

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(91)

T. Hoàng

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433501)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240161	Trần Thị Tuyết Anh	19/06/2003	CCQ2124F		<i>Thanh</i>	6,5	2,4	4,0	
2	2121200094	Lê Nguyễn Anh	Đào	23/11/2002	CCQ2124F		0,0			
3	2121200093	Lê Nguyễn Hồng	Đào	16/06/2001	CCQ2124F		0,0			
4	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	05/01/2004	CCQ2224F	<i>Nguyen</i>	7,4	7,3	7,3	
5	2122240031	Lê Thị Thùy	Dung	01/10/2001	CCQ2224A	<i>Duy</i>	8,5	6,5	7,3	
6	2122240042	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/01/2004	CCQ2224B	<i>My</i>	7,2	3,4	4,9	
7	2121240059	Lê Thị	Giang	10/02/2003	CCQ2124B	<i>Giang</i>	6,3	0,8	3,0	
8	2122240017	Trần Ngọc	Hân	04/03/2004	CCQ2224A	<i>Han</i>	7,2	7,5	7,4	
9	2122240028	Hồ Thị Kim	Hoa	08/05/2004	CCQ2224A	<i>Hoa</i>	7,0	6,9	6,9	
10	2122240186	Lê Đỗ Quốc	Hùng	04/04/2004	CCQ2224F	<i>Thun</i>	9,3	9,4	9,4	
11	2122240052	Lê Công	Huy	26/06/1999	CCQ2224B	<i>Huy</i>	7,9	6,6	7,1	
12	2122240176	Huỳnh Quốc	Khải	02/08/2004	CCQ2224F	<i>Khai</i>	6,8	6,2	6,4	
13	2122240040	Nguyễn Anh	Kiệt	12/01/2004	CCQ2224B	<i>Kiet</i>	7,7	6,8	7,2	
14	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	29/05/2004	CCQ2224E		0,0			
15	2122240011	Trần Thị	Luyến	25/08/2004	CCQ2224A	<i>Luyen</i>	8,2	3,9	5,6	
16	2122240021	Đường Thúc	Ly	11/12/2004	CCQ2224A	<i>Ly</i>	6,0	0,5	2,7	
17	2122240032	Vũ Thị Ngọc	Mai	01/01/2004	CCQ2224A	<i>Hoi</i>	8,3	7,4	7,8	
18	2122240067	Võ Thị Ánh	Nga	25/01/2004	CCQ2224C	<i>Nga</i>	7,0	5,2	5,9	
19	2122240010	Lê Thị Xuân	Ngân	20/10/2004	CCQ2224A	<i>Ngan</i>	7,7	5,6	6,4	
20	2122240025	Mai Ngọc Ý	Nhi	19/01/2004	CCQ2224A	<i>Nhi</i>	7,5	5,8	6,5	
21	2122240062	Ông Thị Thiên	Nhi	04/10/2004	CCQ2224B	<i>Nhi</i>	6,3	1,7	3,5	
22	2122240022	Phạm Thị Yến	Nhi	08/08/2004	CCQ2224A	<i>Yen</i>	6,0	1,1	3,1	
23	2122240024	Nguyễn Tú	Như	20/01/2004	CCQ2224A	<i>Nhu</i>	6,4	1,2	3,3	
24	2120240195	Trần Cao Quỳnh	Như	25/01/2000	CCQ2024G		0,0			
25	2120240196	Biện Anh	Phương	06/01/2002	CCQ2024G		0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Phiên dịch (22433501)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1: T. Hoàng
Cán bộ coi thi 2: G. Viên chấm thi 1
G. Viên chấm thi 2: Nguyễn Thanh Ngọc
Hồng Thỉnh Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240011	Võ Thị Bích	Phượng	25/02/2003	CCQ2124A	1	Thường	6,7	1,8	3,8
2	2121240176	Đoàn Xuân	Quý	16/06/1999	CCQ2124F	1	Quý	9,4	7,3	8,1
3	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh	Quyên	29/05/2004	CCQ2224B	1	Quyên	6,8	3,5	4,8
4	2121240084	Trần Thanh	Thà	25/04/2003	CCQ2124C	1	Thà	7,6	6,7	7,1
5	2122240053	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	28/10/2004	CCQ2224B	1	Thảo	6,9	5,7	6,2
6	2122240023	Nguyễn Trần Ngọc	Thảo	22/12/2004	CCQ2224A	1	Thảo	8,8	7,2	7,8
7	2122240178	Phạm Lê Phương	Thảo	13/08/2004	CCQ2224F	1	Phạm Lê Phương	7,6	7,1	7,3
8	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G	1	Thư	5,8	2,6	3,9
9	2122240016	Nguyễn Thanh	Thư	10/12/2004	CCQ2224A	1	Thư	8,2	8,3	8,3
10	2122240039	Chu Thị	Thúy	16/11/1998	CCQ2224B	1	Thúy	6,0	6,5	6,3
11	2122240008	Lê Thị Hồng	Tiên	26/04/2001	CCQ2224A	1	Tiên	9,9	7,4	8,4
12	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	1	Tiến	6,2	4,3	5,1
13	2122240015	Bùi Thị Kim	Tinh	16/03/2004	CCQ2224A	1	Tinh	9,3	9,0	9,1
14	2122240155	Nguyễn Thị Hoài	Tinh	10/08/2002	CCQ2224B	1	Tinh	5,8		
15	2120240198	Đinh Thị Hoài	Trâm	14/09/2002	CCQ2024G	1	Trâm	6,0	5,3	5,6
16	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	CCQ2224C	1	Trâm	6,9	5,8	6,2
17	2122240035	Hồ Thị Huyền	Trang	24/10/2004	CCQ2224B	1	Hồ Thị Huyền	8,5	4,7	6,2
18	2122240211	Thân Nguyễn Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224C	1	Thân Nguyễn Huyền	7,4	4,4	5,6
19	2122110238	Nguyễn Hoài	Trọng	15/05/2004	CCQ2224E	1	Nguyễn Hoài	9,1	7,4	8,1
20	2122240018	Bùi Thị Ngọc	Tuyến	31/12/2002	CCQ2224A	1	Bùi Thị Ngọc	7,7	6,7	7,1
21	2122240212	Hồ Thị Phương	Uyên	13/06/2004	CCQ2224B	1	Hồ Thị Phương	8,2	8,1	8,1
22	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	CCQ2224B	1	Nguyễn Trần Thảo	6,9	4,1	5,4
23	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	1	Nguyễn Thuý	6,3	3,8	4,8
24	2122240033	Trần Thị Diễm	Vy	20/06/2004	CCQ2224A	1	Trần Thị Diễm	7,7	3,4	5,1
25	2122240037	Võ Tường	Vy	31/01/2004	CCQ2224B	1	Võ Tường	7,1	8,4	7,9